

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ N
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 277/2021/HSST

Ngày: 21-10-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Tiến Dũng

Bà Nguyễn Phương Ly

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố N

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N tham gia phiên tòa: Bà Lưu Thị Thanh Huyền - Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố N tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 271/2021/TLST-HS ngày 01 tháng 10 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 271/2021/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 10 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: Trần Ngọc A; sinh năm 1987 tại tỉnh Hà Nam; đăng ký hộ khẩu thường trú: tổ dân phố B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Hà Nam; nơi ở: số 02 đường Triều Hội, tổ dân phố B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: tự do; trình độ văn hóa: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Ngọc T và bà Nguyễn Thị T; có vợ và 01 con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt, tạm giữ ngày 09-7-2021, chuyển tạm giam ngày 18-7-2021; có mặt.

Người làm chứng: Ông Phó Quốc L, ông Nguyễn Huy H (không triệu tập tham gia phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ 40 phút ngày 08-7-2021 tổ công tác Công an phường V thành phố N làm nhiệm vụ tại khu vực quán nước số 201 đường T phường L thành phố N kiểm tra hành chính đối với Trần Ngọc A đang ngồi uống nước tại quán nước số 201 đường T phường L thành phố N, có biểu hiện nghi vấn. Quá trình kiểm tra, Ngọc A đã tự giác giao nộp từ trong lòng bàn tay trái của mình cho tổ công tác 01 gói ni lông màu trắng. Tổ công tác đã mời người làm chứng mở kiểm tra bên trong có chứa chất rắn dạng tinh thể màu trắng (Ngọc A khai là 01 gói ma túy đá vừa mua để sử dụng). Tổ công tác đã niêm phong vật chứng, đưa Trần Ngọc A cùng người làm chứng về trụ sở Công an phường V, thành phố N lập biên bản bắt người phạm tội quả tang theo quy định của pháp luật. Ngoài ra còn tạm giữ của Trần Ngọc A 01 xe máy biển kiểm soát 90A1- 08.263, 01 điện thoại màu đen mặt sau có chữ Iphone đã cũ.

Tại bản Kết luận giám định số 948/GĐKTHS ngày 14-7-2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định kết luận: Mẫu chất rắn dạng tinh thể màu trắng trong 01 gói ni lông màu trắng thu giữ của Trần Ngọc A được niêm phong gửi giám định là ma túy; loại ma túy: Methamphetamine; khối lượng mẫu: 0,440 (không phẩy bốn trăm bốn mươi) gam.

Tại Cơ quan điều tra, Trần Ngọc A khai: Khoảng 16 giờ ngày 08-7-2021 Trần Ngọc A sử dụng điện thoại Iphone màu đen lắp thẻ sim có số thuê bao 0382.53.53.58 gọi điện và hẹn một người phụ nữ không quen biết đến quán nước số 201 Trần Thái Tông phường Lộc Vượng thành phố N để mua ma túy. Sau đó Ngọc A một mình điều khiển xe máy biển kiểm soát 90A1- 082.63 từ nhà đến nơi hẹn gặp và mua của một người phụ nữ không quen biết 01 gói ma túy đá với giá 200.000 đồng, mục đích để sử dụng. Ngọc A cầm gói ma túy đá trong lòng bàn tay trái ngồi ở quán nước thì bị kiểm tra, bắt giữ.

Bản Cáo trạng số 277/CT-VKSTPNĐ ngày 01-10-2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố N truy tố Trần Ngọc A về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Ngọc A khai nhận hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy mục đích để sử dụng như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N giữ quyền công tố tại phiên tòa luận tội: Giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo toàn bộ nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); tuyên bố bị cáo phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; xử phạt bị cáo từ 12 tháng đến 18 tháng tù; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo; căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 để xử lý vật chứng.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận. Bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Trần Ngọc A không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về trách nhiệm hình sự: Căn cứ lời khai của bị cáo Trần Ngọc A, lời khai của người làm chứng, Kết luận giám định số 948/GĐKTHS ngày 14-7-2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 16 giờ 40 phút ngày 08-7-2021, tại khu vực quán nước số 201 đường Trần Thái Tông phường Lộc Vượng thành phố N, Trần Ngọc A đã có hành vi tàng trữ trái phép 0,440 gam Methamphetamine mục đích để sử dụng. Bị cáo có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được ma túy là chất do nhà nước độc quyền quản lý, nhưng vẫn thực hiện hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy để sử dụng cho nhu cầu của bản thân, lỗi của bị cáo là lỗi cố ý. Do đó, bị cáo đã phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt quy định tại quy định điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố N là có căn cứ.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo làm

gia tăng tệ nạn ma túy, gây mất trật tự an toàn xã hội. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình, do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Hội đồng xét xử xét thấy cần phải áp dụng hình phạt, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Số ma túy sau khi giám định hoàn lại là vật Nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành nên tịch thu, tiêu hủy; 01 chiếc điện thoại di động có chữ Iphone thu giữ của bị cáo là công cụ, phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội nên tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước.

Đối với chiếc xe máy biển kiểm soát 90A1-08263 thu giữ của bị cáo, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố N đã trả lại cho chủ sở hữu là bà Nguyễn Thị Trâm (mẹ đẻ của bị cáo) là đúng quy định của pháp luật.

[6] Đối với đối tượng đã bán ma túy cho bị cáo, tài liệu điều tra chưa đủ căn cứ xác định nên Cơ quan điều tra tách ra tiếp tục điều tra, xử lý sau là đúng quy định của pháp luật.

[7] Về án phí: Bị cáo Trần Ngọc A phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Ngọc A phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo Trần Ngọc A 01 (một) năm tù. Thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày 09-7-2021.

2. Xử lý vật chứng: Tịch thu, tiêu hủy số ma túy có trong phong bì niêm phong số 948/GĐKTHS; tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước chiếc điện thoại di động có chữ Iphone (chi tiết vật chứng ghi trong biên bản giao nhận vật chứng).

3. Án phí: Bị cáo Trần Ngọc A phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo Trần Ngọc A được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND TP. Nam Định (02 bản);
- Công an TP. Nam Định;
- Chi cục THADS TP. Nam Định;
- Lưu hồ sơ vụ án + VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Điện

